|  |  |
| --- | --- |
| )TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN CÔNG NGHỆ, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 02 **; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 0

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 07; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 01; Đại học: 06; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 07; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| ***I. Tranh ảnh*** |
| 1 | Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở | 1 | Bài 1. Khái quát về nhà ở |  |
| 2 | Kiến trúc nhà ở Việt Nam | 1 |  |
| 3 | Xây dựng nhà ở | 1 | Bài 2. Xây dựng nhà ở |  |
| 4 | Ngôi nhà thông minh | 1 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 5 | Thực phẩm trong gia đình | 1 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng |  |
| 6 | Phương pháp bảo quản thực phẩm | 1 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 7 | Phương pháp chế biến thực phẩm | 1 |  |
| 8 | Trang phục và đời sống | 1 | Bài 7. Trang phục trong đời sống  |  |
| 9 | Thời trang trong cuộc sống | 1 | Bài 9. Thời trang |  |
| 10 | Lựa chọn và sử dụng trang phục | 1 | Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục  |  |
| 11 | Nồi cơm điện | 1 | Bài 12. Nồi cơm điện |  |
| 12 | Bếp điện | 1 | Bài 13. Bếp hồng ngoại |  |
| 13 | Đèn điện | 1 | Bài 11. Đèn điện |  |
| ***II. Video*** |
| 1 | Giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kĩ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh. | 1 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 2 | Giới thiệu vệ sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình | 1 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 3 | Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống. | 1 | Bài 7. Trang phục trong đời sống Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục  |  |
| 4 | Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật. | 1 | Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình |  |
| 5 | Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. | 1 | Bài 14. Dự ánAn toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình |  |
| ***III. Thiết bị thực hành*** |
| 1 | Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt. | 3 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 2 | Bộ dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt. | 3 |  |
| 3 | Hộp mẫu các loại vải | 3 | Bài 7. Trang phục trong đời sống  |  |
| 4 | Nồi cơm điện | 3 | Bài 12. Nồi cơm điện |  |
| 5 | Bếp điện | 3 | Bài 13. Bếp hồng ngoại |  |
| 6 | Bóng đèn các loại | 3 | Bài 11. Đèn điện |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thiết bị | 1 | Nơi cất các dụng cụ thí nghiệm |  |
| 2 | Phòng công nghệ thông tin | 1 | Nơi để dạy môn Tin học |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[1]](#footnote-1)**

**1. Phân phối chương trình**

 **Cả năm: 35 tuần (35 tiết);**

 **Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (18 tiết); Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề/ Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| **I** | **Chủ đề 1: NHÀ Ở (6 TIẾT)** |
| 1 | Bài 1. Khái quát về nhà ở | 2 | – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. |
| 2 | Bài 2. Xây dựng nhà ở | 2 | – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |
| 3 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh | 2 | – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.– Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |
| **II** | **Chủ đề 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (6 TIẾT)** |
| 4 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng | 2 | – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người.- Hình thành thói quen ăn, uống khoa học. |
| 5 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 6 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2 |
|  | **Chủ đề 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (tt)** |
| 7 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm | 3 | – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.– Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.- Chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. |
| 8 | Bài 6. Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương | 1 | – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.– Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. |
| **III** | **Chủ đề 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (5 TIẾT)** |
| 9 | Bài 7. Trang phục trong đời sống  | 2 | - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.- Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục |
| 10 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 11 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2,3 |
|  | **Chủ đề 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (tt)** |
| 12 | Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục | 2 | - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tinh chất công việc và điều kiện tài chínhcủa gia đình.- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. |
| 13 | Bài 9. Thời trang | 1 | - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.- Nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. |
| **IV** | **Chủ đề 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (10 TIẾT)** |
| 14 | Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình | 3 | - Kể được tên và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.- Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm. |
| 15 | Bài 11. Đèn điện | 2 | - Nhận biết được một số bộ phận chính của một số loại bóng đèn.- Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn.- Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 16 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 17 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 |
| 18 | Bài 12. Nồi cơm điện | 2 | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện.- Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của nồi cơm điện.- Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 19 | Bài 13. Bếp hồng ngoại | 2 | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.- Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại.- Lựa chọn và sử dụng được các loại bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 20 | Bài 14. Dự ánAn toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình | 2 | - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình.- Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm. |
| 21 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 22 | Kiểm tra cuối kì II | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 13 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2 | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 18 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2,3 | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 26 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 35 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 | Kiểm tra viết |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)***Nguyễn Thị Kiều Duyên** | *Hòa Thành, ngày tháng năm 2023***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |  |

1. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-1)